

TRƯỜNG THCS & THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II

NĂM HỌC 2022 - 2023

TOÁN 6

I. PHẠM VI ÔN TẬP

* Số học: Từ đầu chương IV đến bài “So sánh các phân số. Hỗn số dương”

* Hình học: Từ đầu chương VI đến bài “Tia”

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

CHỦ ĐỀ - BÀI	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
<i>Thống kê</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (<i>column chart</i>). - Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (<i>column chart</i>). - Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (<i>column chart</i>). - Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (<i>column chart</i>). - Nhận biết được mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học trong Chương trình lớp 6 (ví dụ: Lịch sử và Địa lí lớp 6, Khoa học tự nhiên lớp 6, ...) và trong thực tiễn (ví dụ: khí hậu, giá cả thị trường, ...).
<i>Xác suất thực nghiệm</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với mô hình xác suất trong một số trò chơi, thí nghiệm đơn giản (ví dụ: ở trò chơi tung đồng xu thì mô hình xác suất gồm hai khả năng ứng với mặt xuất hiện của đồng xu, ...). - Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản. - Sử dụng được phân số để mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần thông qua kiểm đếm số lần lặp lại của khả năng đó trong một số mô hình xác suất đơn giản.
<i>Phân số. So sánh hai phân số</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được phân số với tử số hoặc mẫu số là số nguyên âm. - Nhận biết được khái niệm hai phân số bằng nhau và nhận biết được quy tắc bằng nhau của hai phân số. - Nêu được hai tính chất cơ bản của phân số. - So sánh được hai phân số cho trước.

Câu 3: Cho $a \in \{7; 11; 13\}; b \in \{15; 0; 41; 32\}$. Giá trị lớn nhất của phân số $\frac{a}{b}$ là:

- A. $\frac{7}{32}$ B. $\frac{11}{15}$ C. $\frac{13}{32}$ D. $\frac{13}{15}$

Câu 4: Tính $N = xy$ biết: $\frac{x}{4} = \frac{-5}{y} = \frac{-1}{2}$

- A. $N = 20$ B. $N = -80$ C. $N = -20$ D. $N = 80$

Câu 5: Sắp xếp các phân số sau theo thứ tự giảm dần: $\frac{2}{5}; 1\frac{1}{4}; \frac{-1}{2}; -\frac{2}{3}; 0$

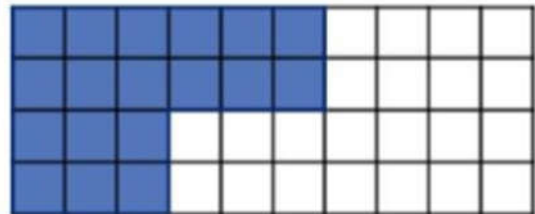
- A. $\frac{-1}{2}; -\frac{2}{3}; 0; \frac{2}{5}; 1\frac{1}{4}$ B. $\frac{-1}{2}; -\frac{2}{3}; \frac{2}{5}; 0; 1\frac{1}{4}$ C. $\frac{2}{3}; \frac{-1}{2}; 0; \frac{2}{5}; 1\frac{1}{4}$ D. $-\frac{2}{3}; \frac{-1}{2}; \frac{2}{5}; 0; 1\frac{1}{4}$

Câu 6: Trong các cách viết sau, cách viết nào **không** cho ta phân số?

- A. $\frac{-2,3}{3}$ B. $\frac{5}{-3}$ C. $\frac{12}{0}$ D. $\frac{n}{20} (n \in N)$

Câu 7: Phần tô màu biểu diễn phân số:

- A. $\frac{9}{40}$ B. $\frac{9}{20}$
C. $\frac{11}{40}$ D. $\frac{11}{20}$



Câu 8: Cho đoạn thẳng $AB = 8cm$, M là trung điểm của đoạn thẳng AB . Độ dài đoạn AM là:

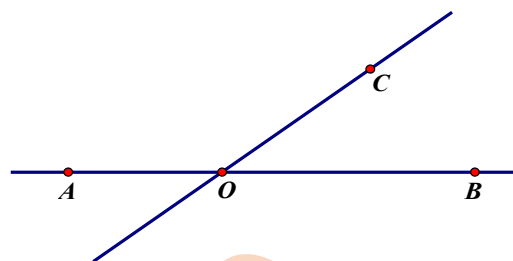
- A. $2cm$ B. $4cm$ C. $16cm$ D. $8cm$

Câu 9: Trong các khẳng định sau khẳng định nào **sai**?

- A. Chỉ có đúng một đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt cho trước.
B. Mỗi điểm trên mặt phẳng chỉ thuộc đúng hai đường thẳng
C. Trong ba điểm thẳng hàng luôn có hai điểm nằm cùng phía với một điểm còn lại
D. Hai đường thẳng song song thì không có điểm chung

Câu 10: Cho hình vẽ, phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Trên hình có hai tia chung gốc O
- B. Hai tia OA và OB trùng nhau.
- C. Hai tia AO và AB trùng nhau
- D. Hai tia OA và OC đối nhau



B. TỰ LUẬN

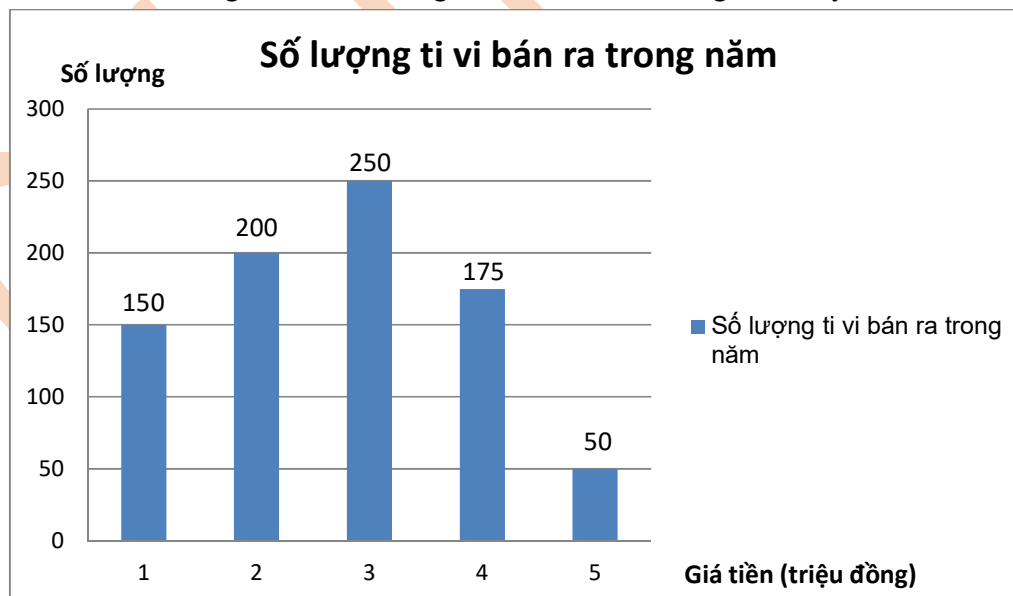
Dạng 1: Toán về thống kê

Bài 1. Kết quả điều tra về loại quả ưa thích nhất đối với một số bạn trong lớp được ghi lại như sau:

cam	xoài	ổi	ổi	xoài	chuối
chuối	cam	xoài	ổi	cam	chuối
xoài	chuối	cam	xoài	khé	xoài
cam	xoài	chuối	cam	chuối	cam
khé	cam	xoài	khé	xoài	khé

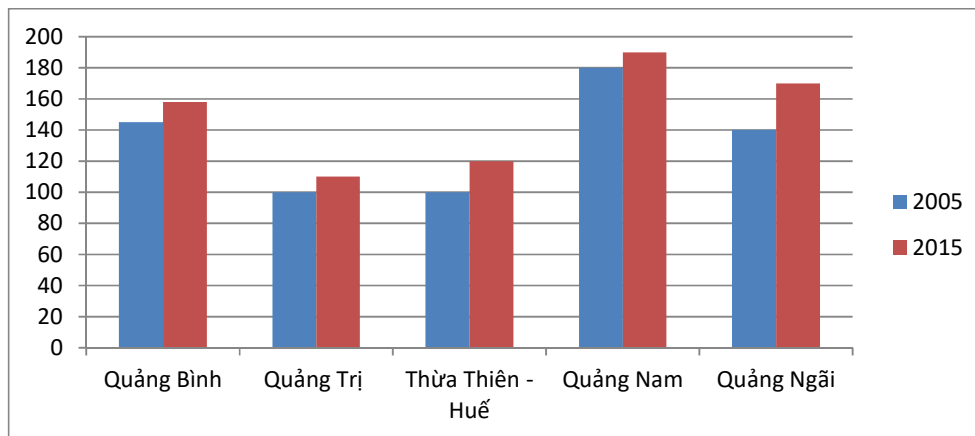
- a) Có bao nhiêu bạn đã tham gia trả lời?
- b) Lập bảng thống kê số lượng các bạn yêu thích mỗi loại quả.
- c) Vẽ biểu đồ cột biểu thị số lượng các bạn yêu thích mỗi loại quả.

Bài 2. Cho biểu đồ số lượng tivi bán ra trong năm của một cửa hàng điện máy như sau:



- a) Tivi ở mức giá nào được mua nhiều nhất ở cửa hàng?
- b) Tính tổng số lượng tivi bán ra trong năm?
- c) Tính tổng số tiền thu được khi bán tivi trong năm?

Bài 3. Trả lời câu hỏi dựa trên biểu đồ sau



- Năm 2005, tỉnh có nhiều trường THCS nhất trong 5 tỉnh miền trung trên là?
- Qua 11 năm từ 2005 – 2015, tỉnh có số lượng trường THCS tăng lên nhiều nhất là?

Bài 4. Biểu đồ tranh dưới đây cho biết số máy cày của 5 xã.



- Xã nào có ít máy cày nhất?
- Xã nào có nhiều máy cày nhất?
- Xã A có nhiều hơn xã E bao nhiêu máy cày?
- Tổng số máy cày của 5 xã là bao nhiêu?

Dạng 2: Toán về xác suất thực nghiệm

Bài 5. Nếu gieo con xúc xắc 16 lần liên tiếp, có đúng 10 lần xuất hiện mặt 3 chấm. Tính xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 3 chấm.

Bài 6. Gieo một số đồng xu 15 lần, số lần xuất hiện mặt ngửa là 6 lần. Tính xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt sấp.

Bài 7: Một bộ tứ lơ khơ có 52 quân bài (không tính lá Joker). Bạn An rút ra 6 quân bài màu đỏ và 1 quân bài màu đen.

- Em hãy nêu 1 trường hợp các quân bài mà bạn An có thể rút được?
- Cũng làm như An nhưng bạn Mai chỉ rút ra các quân bài có hình người (J, Q, K). Hỏi có tất cả bao nhiêu trường hợp mà Mai có thể rút được?

Bài 13: So sánh 2 phân số

- a) $\frac{29}{60}$ và $\frac{15}{28}$ b) $\frac{-13}{30}$ và $\frac{-23}{42}$ c) $\frac{13}{36}$ và $\frac{-14}{45}$ d) $\frac{1919}{9595}$ và $\frac{1111}{5050}$

Bài 14: Cho phân số $\frac{a}{b}$ ($0 < a < b$).

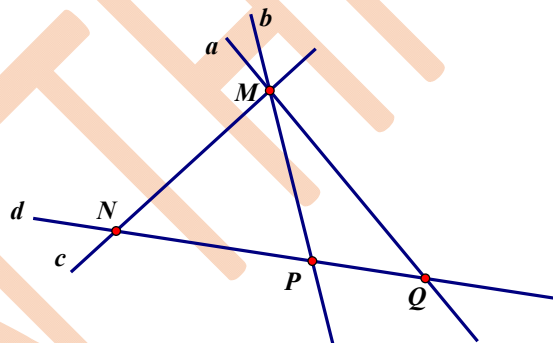
- a) Chứng minh rằng $\frac{a}{b} < \frac{a+c}{b+c}$ ($c > 0$) b) So sánh $A = \frac{2018^{2018} + 1}{2018^{2019} + 1}$ và $B = \frac{2018^{2019} - 2}{2018^{2020} - 2}$

Bài 15: Tìm số nguyên x sao cho:

- a) $3x + 4$ chia hết cho $x - 3$ b) $\frac{3}{x-2}$ là phân số âm và $x > 0$ c) $\frac{-1}{-x+1}$ là phân số dương và $x < 4$

Dạng 4: Hình học

Bài 16: Cho hình vẽ. Hãy trả lời các câu hỏi sau:



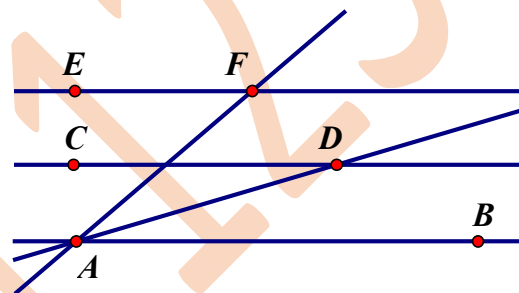
- a) Điểm M thuộc các đường thẳng nào?
 b) Điểm N nằm trên đường thẳng nào? Nằm ngoài ngoài đường thẳng nào?
 c) Trong bốn điểm M, N, P, Q , ba điểm nào thẳng hàng; ba điểm nào không thẳng hàng? Điểm nào giữa hai điểm còn lại?
 d) Có bao nhiêu đường thẳng ở hình trên, mỗi đường thẳng đó có bao nhiêu cách gọi tên?
 e) Hãy chỉ ra các tia phân biệt góc P có ở hình trên?
 f) Hãy chỉ ra hai tia đối nhau góc P ?
 g) Hãy kê tên giao điểm của các cặp đường thẳng?

Bài 17: Vẽ đường thẳng xy , lấy điểm O bất kỳ trên xy rồi lấy M thuộc tia Ox , N thuộc tia Oy .

- Hãy chỉ ra 2 điểm nằm cùng phía đối với điểm M .
- Trong 3 điểm M, N, O điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại?
- Kể tên các tia đối nhau gốc O (Các tia trùng nhau chỉ liệt kê một lần).
- Kể tên các tia trùng nhau gốc N ; gốc M .
- Hai tia MN và Ny có là hai tia trùng nhau không? Có là hai tia đối nhau không? Vì sao?

Bài 18: Cho hình vẽ, hãy chỉ ra

- Các cặp đường thẳng song song
- Các cặp đường thẳng cắt nhau.



Bài 19:

- Cho n điểm trong đó không có 3 điểm nào thẳng hàng. Kẻ các đường thẳng đi qua từng cặp điểm. Hỏi có bao nhiêu đường thẳng?
- Nếu qua n điểm trên kẻ được 28 đường thẳng thì n bằng bao nhiêu? ($n \in N$)

Bài 20: Cho đường gấp khúc ABC có độ dài 16cm. Gọi I, K lần lượt là trung điểm của đoạn AB, BC . Tính độ dài đường gấp khúc IBK ?

